

Bản án số: 175/2024/DS-ST

Ngày: 09-7-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thái Quân
- Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2024/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2023, tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T trình bày:

Do có quen biết nên ngày 11/02/2022 âl, bà T có cho ông P vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, không thỏa thuận hạn trả nhưng khi nào bà cần thì ông P sẽ trả tiền cho bà; đến nay, ông P đã trả lãi được tổng cộng 25.000.000đ.

Để đảm bảo khoản vay, ông P có làm hợp đồng thế chấp cho bà quyền sử dụng đất số 02449 QSDĐ/nC, tờ bản đồ 04; Số thửa: 182,184; đất tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp đổi ngày 24/6/2019 cho ông Nguyễn Hoài P đứng tên. Hợp đồng thế chấp ký kết ngày 11/02/2022, có thể hiện nội dung ông P vay của bà 250.000.000đ (giá trị tài sản thế chấp là 300.000.000 đồng), hợp đồng có công chứng tại Văn phòng C, không đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hoài P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 19/12/2023 (là ngày khởi kiện).

Đối với tiền lãi ông P đã trả và còn nợ, tính từ ngày ông P vay đến thời điểm bà khởi kiện tại Tòa án, lẽ ra ông P phải trả lãi nhiều hơn 25.000.000đ, tuy nhiên bà không yêu cầu và không yêu cầu trừ vào vốn gốc.

Đồng thời, bà T đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp nêu trên cho ông P. Không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thế chấp nêu trên.

Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào khác.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoài P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không ghi nhận được ý kiến của ông P về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, có căn cứ xác định bị đơn có vay tiền của bà T và hiện còn nợ như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về “*Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoài P.

[2] Về nội dung: bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoài P trả số tiền vốn vay còn nợ là 250.000.000đ, tính lãi theo quy định pháp luật. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P nhưng ông vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, cũng không cung cấp chứng cứ, không có ý kiến trình bày gửi Tòa án; điều này cho thấy, ông P đã biết được việc nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng ông P lại không có ý kiến phản đối và coi như từ bỏ quyền được bảo vệ của mình, cho thấy, về mặt ý chí ông P đã thừa nhận có vay, còn nợ như nguyên đơn yêu cầu là thực tế, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để xác định, Hợp đồng vay tài sản giữa bà T với ông P là có thực tế xảy ra, được chứng minh bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/02/2022 với nội dung “bà T cho ông P vay số tiền 250.000.000đ và ông P thế chấp quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ” có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hoài P được lập tại Văn phòng C. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi thì thấy: do bị đơn chậm thanh toán nghĩa vụ, đã ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở được chấp nhận theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Số tiền lãi được tính như sau:

- Số tiền 250.000.000đ x 20% năm (1.66% tháng) x 6 tháng 20 ngày (tính từ ngày 19/12/2023-09/7/2024) = 27.666.000đ.

Tổng cộng vốn và lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 277.666.000đ (trong đó, vốn vay 250.000.000đ + lãi phát sinh là 27.666.000đ).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02449 QSDĐ/nC, tờ bản đồ 04; Số thửa: 182,184; tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang, đã được cấp đổi cho ông Nguyễn Hoài P đứng tên. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 184, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T đối với bị đơn ông Nguyễn Hoài P.

Buộc ông Nguyễn Hoài P có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu T vốn vay 250.000.000đ và lãi 27.666.000đ. Tổng số tiền vốn và lãi là: 277.666.000đ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà T không phải chịu án phí nên được nhận lại 6.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006554 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Ông Nguyễn Hoài P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.883.000 đồng.

Bà T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông P vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hs, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyên

